

## 第10回川本杯はしまモアフェンシング大会

小学4-6年男子

1回戦

平成31年3月24日

P	番号	No.	所属名	氏名	1	2	3	4	5	6	試合 M	勝数 V	勝率 V/M	突 HS	被突 HR	突差 HS-HR	順位
1	1	1	京都フューチャー	熊本 颯 太貴		v5	v4	v5	v5	v5	5	5	1.000	24	3	21	3
	20	2	はしまモア	馬場 煌 貴哉	2		v5	4	3	v5	5	2	0.400	19	19	0	40
	27	3	大阪読売千里	湯浅 柊 哉	1	1		v5	v5	v5	5	3	0.600	17	13	4	28
	40	4	養老FC	北川 獅 旺	0	v5	0		4	v5	5	2	0.400	14	22	-8	45
	53	5	明石JFC	岡田 光 貴	0	v5	2	v5		v5	5	3	0.600	17	20	-3	31
	66	6	南箕輪わくわく	長澤 優 希	0	3	2	3	3		5	0	0.000	11	25	-14	60
2	7	1	大垣FC	吉田 京 雅		v5	v5	v5	v5	v5	5	5	1.000	25	7	18	4
	15	2	京都フューチャー	床嶋 桔 平	0		3	v5	v5	4	5	2	0.400	17	19	-2	41
	28	3	大阪読売千里	幡掛 正 剛	3	v5		v5	v5	1	5	3	0.600	19	17	2	29
	42	4	武生JFC	見延 大 成	0	1	1		v5	v5	5	2	0.400	12	20	-8	46
	54	5	IwataFC	山本 翔 也	0	3	3	3		0	5	0	0.000	9	25	-16	64
	67	6	長野JrFC	有賀 征 宗	4	v5	v5	2	v5		5	3	0.600	21	15	6	26
3	3	1	はしまモア	加藤 生 純		v5	v5	v5	v5	0	5	4	0.800	20	15	5	13
	16	2	京都フューチャー	尾西 桃 汰	4		v5	3	v5	0	5	2	0.400	17	19	-2	42
	29	3	武生JFC	酒井 琢 武	1	1		v5	v5	0	5	2	0.400	12	18	-6	44
	41	4	名電JFC	奥井 咲 之祐	2	v5	3		v5	1	5	2	0.400	16	19	-3	43
	55	5	南箕輪わくわく	長澤 陸 来	3	3	0	1		0	5	0	0.000	7	25	-18	66
	69	6	ワセダクラブ	鈴木 哲 矢	v5	v5	v5	v5	v5		5	5	1.000	25	1	24	1
4	4	1	はしまモア	田内 颯 斗		v5	v5	v5	v5	v5	5	5	1.000	25	4	21	2
	17	2	京都フューチャー	萩森 成 央	0		3	1	0	1	5	0	0.000	5	25	-20	69
	30	3	和東JC	川本 煌 煌	0	v5		1	1	0	5	1	0.200	7	23	-16	56
	47	4	関西国際学園	前田 歩 凜	0	v5	v5		3	v5	5	3	0.600	18	16	2	30
	56	5	高岡古城FC	猶明 慶 多	1	v5	v5	v5		2	5	3	0.600	18	14	4	27
	68	6	南箕輪わくわく	有賀 尚 迪	3	v5	v5	4	v5		5	3	0.600	22	13	9	25
5	5	1	大阪読売千里	白男 川 瞬		v5	v5	v5	v5		4	4	1.000	20	4	16	7
	18	2	京都フューチャー	村島 一 希	0		0	0	1		4	0	0.000	1	20	-19	68
	31	3	武生JFC	黒田 響 響	2	v5		v5	v5		4	3	0.750	17	11	6	21
	44	4	津・みえFC	神田 伸 盛	1	v5	4		v5		4	2	0.500	15	10	5	32
	62	5	長野JrFC	佐藤 仁 哉	1	v5	2	0			4	1	0.250	8	16	-8	50
6	6	1	はしまモア	石橋 遼 大		v5	v5	v5	v4		4	4	1.000	19	4	15	9
	19	2	京都フューチャー	和田 泰 成	0		v5	4	0		4	1	0.250	9	15	-6	48
	32	3	武生JFC	矢部 怜 音	1	0		2	2		4	0	0.000	5	20	-15	62
	45	4	東郷FC	太田 旬 哉	1	v5	v5		2		4	2	0.500	13	16	-3	39
	58	5	香川JFC	後藤 正 人	2	v5	v5	v5			4	3	0.750	17	8	9	17
7	9	1	南箕輪わくわく	埋橋 匠 匠		v5	v5	2	v4		4	3	0.750	16	9	7	20
	14	2	京都フューチャー	本郷 吉 成	1		v5	2	v5		4	2	0.500	13	14	-1	36
	33	3	武生JFC	川崎 正 也	0	1		3	v5		4	1	0.250	9	18	-9	51
	59	4	沼津FC	加藤 大 慈	v5	v5	v5		v5		4	4	1.000	20	10	10	12
	57	5	婦中JFC	石川 陸 斗	3	3	3	3			4	0	0.000	12	19	-7	57
8	8	1	南箕輪わくわく	小池 悠 太郎		v5	v5	v5	v5		4	4	1.000	20	2	18	5
	21	2	はしまモア	金采 旻 旻	0		v5	v5	v5		4	3	0.750	15	10	5	22
	34	3	武生JFC	見延 快 生	1	3		1	1		4	0	0.000	6	20	-14	61
	43	4	京都きっず	白石 宇 香	0	1	v5		3		4	1	0.250	9	16	-7	49
	63	5	富山パレスFC	才木 秀 太	1	1	v5	v5			4	2	0.500	12	14	-2	38
9	2	1	京都フューチャー	村上 日 陽		v5	v5	v5	v5		4	4	1.000	20	6	14	10
	22	2	はしまモア	岩越 琉 生	0		1	3	3		4	0	0.000	7	20	-13	59
	37	3	高岡古城FC	清水 瑠 七	1	v5		v5	v5		4	3	0.750	16	8	8	19
	48	4	滋賀JFC	荒木 珂 生	2	v5	2		v5		4	2	0.500	14	14	0	35
	61	5	長野JrFC	登内 絢 心	3	v5	0	1			4	1	0.250	9	18	-9	52
10	11	1	SEIBUスポーツ	前田 迅 理		4	v5	v5	v5		4	3	0.750	19	11	8	18
	23	2	はしまモア	岩附 湊 士	v5		1	v5	v5		4	3	0.750	16	12	4	23
	46	3	東郷FC	下林 玄 弥	1	v5		v5	v5		4	3	0.750	16	13	3	24
	49	4	アレ・フェンシング	田中 陸 輝	2	3	3		v5		4	1	0.250	13	19	-6	47
	70	5	京都ソレイユ	伴 駿 輝	3	0	4	4			4	0	0.000	11	20	-9	58
11	10	1	青山クラブ	榎本 絃 人		v5	v5	2	0		4	2	0.500	12	10	2	34
	24	2	はしまモア	石原 康 成	0		v5	1	0		4	1	0.250	6	16	-10	53
	35	3	武生JFC	瀧崎 悠 人	0	1		1	0		4	0	0.000	2	20	-18	67
	50	4	SEIBUスポーツ	白江 勇 翔	v5	v5	v5		3		4	3	0.750	18	9	9	16
	60	5	長野JrFC	遠藤 雅 虎	v5	v5	v5	v5			4	4	1.000	20	3	17	6
12	12	1	ワセダクラブ	河原 資 虎		v4	v5	v5	v5		4	4	1.000	19	3	16	8
	25	2	大阪読売千里	小野 凌 駕	2		v5	v5	v5		4	3	0.750	17	5	12	14
	38	3	大垣FC	渡辺 陽 斗	0	1		4	0		4	0	0.000	5	20	-15	63
	51	4	高岡古城FC	服部 大 峻	0	0	v5		2		4	1	0.250	7	19	-12	55
	64	5	香川JFC	吉本 孝 志	1	0	v5	v5			4	2	0.500	11	12	-1	37
13	13	1	青山クラブ	榎本 藏 人		v5	v5	v5	v5		4	4	1.000	20	7	13	11
	26	2	大阪読売千里	福山 寛 太	4		v5	v5	v5		4	3	0.750	19	8	11	15
	39	3	養老FC	伊東 蓮 音	0	0		v5	1		4	1	0.250	6	17	-11	54
	52	4	長野JrFC	松本 啓 汰	0	0	2		1		4	0	0.000	3	20	-17	65
	65	5	高岡古城FC	林 彪 牙	3	3	v5	v5			4	2	0.500	16	12	4	33